TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN HIỆP HÒA	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH BẮC GIANG	
Số: 108/2018/QĐST-HNGĐ	*Hiệp Hòa, ngày 07 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 80/2018/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1997.

HKTT: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B.

Nơi ở hiện tại: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Trần Văn C, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị T**, sinh năm 1997.

HKTT: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B.

Nơi ở hiện tại: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh B.

Bị đơn: **Anh Trần Văn C**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B.

2. **Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- *Về quan hệ vợ chồng:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn C.

- *Về con C:* Giao cho anh Trần Văn C trực tiếp nuôi Trần Gia B, sinh ngày 21/7/2015. Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con C cùng anh C cho đến khi đương sự có yêu cầu. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản C, công nợ, ruộng canh tác, công sức:* Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn C đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu cả 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001434 ngày 11/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Hoàn trả chị T 150.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

***Nơi nhận*:** **Thẩm phán**

- Đương sự;

-VKSND huyện Hiệp Hòa;

-Chi cục THADS h. Hiệp Hòa;

- UBND xã T, h. Hiệp Hòa;

-TAND tỉnh Bắc Giang;

-Lưu: HS vụ án. **Nguyễn Xuân Toàn**